

Bản án số: **33/2021/KDTM-ST**

Ngày: 21/10/2021

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Bùi Văn Bình
2. Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21/10/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 19/2021/TLST-KDTM ngày 01/4/2021, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-KDTM ngày 29/9/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần KC

Địa chỉ: khu Tiền Trung, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ch. – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Xuân B, sinh năm 1959; địa chỉ: xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Theo Văn bản ủy quyền ngày 15/4/2021 của Công ty CP KC
(*Vắng mặt tại phiên tòa*)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968

Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Th

Địa chỉ: số X - K2 khu đô thị Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 29/6/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn là ông Đào Xuân B trình bày:

Công ty Cổ phần KC (sau đây gọi tắt là “Công ty KC” hoặc “nguyên đơn”) và Hộ kinh doanh cá thể do bà Nguyễn Thị Th làm đại diện (sau đây gọi tắt là “bà Th” hoặc “bị đơn”) giao kết Hợp đồng nguyên tắc số 28/HĐNT-KC-NTT (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) ngày 02/6/2018, nội dung Công ty KC bán hàng hóa là bột mỳ cho bà Th, với số lượng theo yêu cầu của bên mua, đơn giá thể hiện trên phiếu xuất kho, hóa đơn theo thời điểm qua mỗi lần giao nhận hàng; thời hạn và phương thức thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng (kể cả ngày lễ và chủ nhật), quá thời hạn trên thì phải chịu lãi suất 8%/năm trên tổng giá trị đơn hàng đã giao.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty KC đã bán bột mỳ cho bà Th thể hiện ở 08 (tám) hóa đơn sau:

1. Hóa đơn số 1123 ngày 02/6/2018, số tiền 68.448.000 đồng
 2. Hóa đơn số 1324 ngày 19/6/2018, số tiền 68.448.000 đồng
 3. Hóa đơn số 1446 ngày 03/7/2018, số tiền 69.500.000 đồng
 4. Hóa đơn số 18073 ngày 09/7/2018, số tiền 69.500.000 đồng
 5. Hóa đơn số 0002845 ngày 30/7/2018, số tiền 69.500.000 đồng
 6. Hóa đơn số 0002966 ngày 13/8/2018, số tiền 70.000.000 đồng
 7. Hóa đơn số 0000098 ngày 05/9/2018, số tiền 73.000.000 đồng
 8. Hóa đơn số 0000117 ngày 07/9/2018, số tiền 10.950.000 đồng
- Tổng số tiền hàng là: 499.346.000 đồng

Bà Th đã thanh toán cho Công ty KC tổng số tiền 199.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- ✓ Ngày 24/7/2018, thanh toán 69.000.000 đồng
- ✓ Ngày 30/10/2018, thanh toán 50.000.000 đồng
- ✓ Ngày 27/12/2018, thanh toán 40.000.000 đồng
- ✓ Ngày 01/02/2019, thanh toán 20.000.000 đồng
- ✓ Ngày 05/6/2019, thanh toán 20.000.000 đồng

Số tiền nợ gốc còn lại là 300.346.000 đồng. Công ty KC đã nhiều lần liên lạc, gặp gỡ nhưng bà Th không có động thái thiện chí trả nợ.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Th phải thanh toán phải cho Công ty KC tổng số tiền tạm tính đến ngày

31/5/2020 là 347.072.741 đồng, trong đó bao gồm 300.346.000 đồng tiền hàng nợ gốc và 46.726.741 đồng tiền nợ lãi.

Tại bản tự khai và quá trình xét xử, bị đơn trình bày: xác nhận giữa Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Th (do bà Th làm đại diện) và Công ty Cổ phần KC có xác lập Hợp đồng nguyên tắc số 28/HĐNT-KC-NTT ngày 02/6/2018, nội dung trong Hợp đồng như phía nguyên đơn đã trình bày là đúng, đồng thời khẳng định tính hợp pháp của Hợp đồng nêu trên. Quá trình thực hiện hợp đồng thì hai bên hợp tác tốt, bà Th xác nhận đã mua bột mỳ của Công ty KC nhưng chỉ là 06 (sáu) hóa đơn với tổng số tiền là 361.398000 đồng, cụ thể là các hóa đơn số 1123 ngày 02/6/2018, số 18073 ngày 09/7/2018, số 0002845 ngày 30/7/2018, số 0002966 ngày 13/8/2018, số 0000098 ngày 05/9/2018 và số 0000117 ngày 07/9/2018. Bị đơn cũng thừa nhận các lần thanh toán như phía nguyên đơn đã trình bày là đúng. Tính đến ngày 05/6/2019 bà Th đã thanh toán cho Công ty KC tổng số tiền là 199.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại là 162.398.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán được.

Đối với 02 (hai) hóa đơn số 1324 ngày 19/6/2018 (số tiền 68.448.000 đồng) và số 1446 ngày 03/7/2018 (số tiền 69.500.000 đồng) thì bị đơn không thừa nhận, vì người ký nhận trong các hóa đơn nêu trên không phải là bà Th hay các thành viên trong gia đình bà, bà cũng không biết người nhận là ai.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bị đơn thừa nhận có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 162.398.000 đồng và lãi như đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Tại phiên tòa:

- Bị đơn giữ quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời gửi đơn đề nghị ghi ngày 03/10/2021, thể hiện quan điểm rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với (02) hai hóa đơn kiêm phiếu xuất kho số 1324 ngày 19/6/2019 (số tiền 68.448.000 đồng) và số 1446 ngày 03/7/2018 (số tiền 69.500.000 đồng). Yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả cho Công ty KC số tiền còn lại cả gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của pháp luật trong tất cả các quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa. Về phía các đương sự: chấp hành nghĩa vụ tố tụng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Xác định giữa Công ty KC và bà Th có giao kết hợp đồng nguyên tắc số 28 ngày 02/6/2018, xét hợp đồng được các bên thiết lập

theo đúng quy định của pháp luật, nội dung hợp đồng các bên có thỏa thuận về lãi trong trường hợp chậm thanh toán, nên có căn cứ để xem xét. Bà Th đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên Công ty KC khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

Do vậy, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 30 BLTTDS, Điều 251, 357 BLDS năm 2005, Luật Thương mại năm 2005, Nghị quyết 326 về án phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền hàng còn nợ là 162.398.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán theo lãi suất 8%/năm cho đến khi thanh toán hết nợ. Bị đơn có nghĩa vụ nộp án phí KDTM sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:*

Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, do vậy đây là trường hợp tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức, cá nhân có đăng ký doanh nghiệp với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại Điều 5 của Hợp đồng, các bên thỏa thuận trong trường hợp không thương lượng được thì sẽ đưa ra “Tòa án kinh tế - Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương để giải quyết”. Đây là thỏa thuận lựa chọn Tòa án không phù hợp với quy định của pháp luật (không đúng thẩm quyền theo cấp xét xử).

Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng, bị đơn là cá nhân có đăng ký kinh doanh, địa chỉ cư trú của bị đơn tại thời điểm nộp đơn khởi kiện thuộc địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Nguyên đơn lựa chọn nộp đơn khởi kiện vụ án tại nơi bị đơn cư trú, do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* nguyên đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, do vậy căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Hợp đồng giữa các bên là hợp đồng nguyên tắc không ấn định thời hạn kết thúc hợp đồng, các bên thực hiện việc mua bán bột mì, số lượng và giá cả ấn định theo từng lần mua bán. Hóa đơn bán hàng

cuối cùng được các bên thừa nhận là ngày 07/9/2018, thời điểm thanh toán lần cuối cùng của bị đơn là ngày 05/6/2019, tính đến ngày khởi kiện (30/6/2020) thì đơn khởi kiện của nguyên đơn nằm trong thời hiệu khởi kiện (theo quy định tại Điều 319 của Luật Thương mại và Điều 429 của Bộ luật Dân sự). Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có ý kiến, yêu cầu gì về thời hiệu khởi kiện (Điều 149 của Bộ luật Dân sự và Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự).

[2] Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét Hợp đồng nguyên tắc số 28/HĐNT-KC-NTT ngày 02/6/2018 giữa Công ty Kim Cổ phần Chính và bà Nguyễn Thị Th về việc mua bán hàng hóa được giao kết trên cơ sở không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nội dung và hình thức của giao dịch phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại, do đó được công nhận và có giá trị hiệu lực ràng buộc các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty KC đã giao hàng và xuất hóa đơn theo đúng thỏa thuận, Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Th do bà Th đại diện không có ý kiến phản hồi gì về chất lượng, số lượng, chủng loại, giá cả... Tổng số tiền hàng mà nguyên đơn cho rằng đã giao dịch thành công với bị đơn là 499.346.000 đồng tương ứng với 08 hóa đơn, bị đơn chỉ thừa nhận 06 hóa đơn với tổng số tiền là 361.398000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 02 (hai) hóa đơn không được bị đơn thừa nhận, chỉ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền hàng còn thiếu được phát sinh từ 06 (sáu) hóa đơn được bị đơn thừa nhận. Xét việc một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

Như vậy, giá trị hợp đồng được nguyên đơn đưa ra khởi kiện thể hiện ở 06 hóa đơn 1123 ngày 02/6/2018, số 18073 ngày 09/7/2018, số 0002845 ngày 30/7/2018, số 0002966 ngày 13/8/2018, số 0000098 ngày 05/9/2018 và số 0000117 ngày 07/9/2018, cũng như số tiền và thời điểm bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn đều được các bên thừa nhận, đây là tình tiết, sự kiện có giá trị chứng minh, nên có căn cứ chấp nhận

[2.3] Về lãi: Tại Điều 3 của Hợp đồng, các bên thỏa thuận “bên B thanh toán toàn bộ số tiền hàng cho bên A trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng (tính cả ngày chủ nhật, ngày lễ). Quá thời hạn trên bên B sẽ phải chịu lãi suất 8%/năm trên tổng giá trị đơn hàng đã giao”. Thỏa thuận này không trái với quy định của pháp luật và được các bên cùng thừa nhận, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về số tiền nợ gốc, lãi cụ thể như sau:

(Quy đổi một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày, một tháng là ba mươi ngày, theo quy định tại Điều 146 của Bộ luật Dân sự)

Số/ngày phát sinh giao dịch	Giá trị HĐ	Số tiền đã thanh toán	Nợ gốc	Ngày phát sinh lãi	Thời gian tính lãi	Nợ lãi
1123 02/6/2018	68.448.000		68.448.000	02/7/18 đến 23/7/2018	22 ngày	330.051
18073 09/7/2018	69.500.000		137.948.000			
24/07/2018		69.000.000	68.948.000	08/08/18 đến 28/9/2018	21 ngày	317.350
2845 30/7/2018	69.500.000		138.448.000	29/08/18 đến 11/9/2018	14 ngày	424.827
2966 13/8/2018	70.000.000		208.448.000	12/09/18 đến 04/10/2018	23 ngày	1.050.806
0098 05/9/2018	73.000.000		281.448.000	05/10/18 đến 06/10/2018	02 ngày	123.374
0117 07/9/2018	10.950.000		292.398.000	07/10/18 đến 29/10/2018	23 ngày	1.474.006
30/10/2018		50.000.000	242.398.000	30/10/18 đến 26/12/2018	01 tháng 27 ngày	3.050.452
27/12/2018		40.000.000	202.398.000	27/12/18 đến 31/01/2019	01 tháng 04 ngày	1.526.765
01/02/2019		20.000.000	182.398.000	01/02/19 đến 04/6/2019	04 tháng 04 ngày	5.023.857
05/06/2019		20.000.000	162.398.000	05/6/19 đến 21/9/2021	02 năm 03 tháng 16 ngày	29.801.145
Tổng			162.398.000			43.122.633
				205.520.633		

Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà Th còn nợ Công ty KC số tiền hàng là **162.398.000 đồng** theo các hóa đơn số 1123 ngày 02/6/2018, số 18073 ngày 09/7/2018, số 0002845 ngày 30/7/2018, số 0002966 ngày 13/8/2018, số 0000098 ngày 05/9/2018 và số 0000117 ngày 07/9/2018 và **43.122.663 đồng** nợ lãi, tổng là **205.520.663 đồng**, là phù hợp với Điều 50 của Luật Thương mại.

[2.5] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 02 hóa đơn số 1324 ngày 19/6/2018 và số 1446 ngày 03/7/2018 là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận

[3] Về án phí, quyền kháng cáo:

- Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Hoàn trả Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Điều a Khoản 1 Điều 37, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, các Điều 244, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 149 và 429 của Bộ luật Dân sự; các Điều 50 và 319 của Luật Thương mại; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Cổ phần KC đối với số tiền nợ gốc, lãi của 06 hóa đơn số 1123 ngày 02/6/2018, số 18073 ngày 09/7/2018, số 0002845 ngày 30/7/2018, số 0002966 ngày 13/8/2018, số 0000098 ngày 05/9/2018 và số 0000117 ngày 07/9/2018, phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc số 28/HĐNT-KC-NTT ngày 02/6/2018.

Buộc bà Nguyễn Thị Th (chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Th) phải thanh toán cho Công ty Cổ phần KC số tiền **162.398.000 đồng** (một trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn đồng) nợ gốc và **43.122.663 đồng** (bốn mươi ba triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng) tiền lãi do chậm thanh toán. Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Th phải thanh toán cho Công ty Cổ phần KC là **205.520.663 đồng** (hai trăm lẻ năm triệu, năm trăm hai mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo thỏa thuận trong hợp đồng (8%/năm) tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và

Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Cổ phần KC đối với 02 (hai) Hóa đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho số 1324 ngày 19/6/2018 và số 1446 ngày 03/7/2018.

Công ty Cổ phần KC có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại **đối với 02 (hai) hóa đơn nêu trên** theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí, quyền kháng cáo:

- Bị đơn phải chịu 10.276.000 đồng án phí KDTM sơ thẩm.

- Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 8.675.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0064510 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên.

- Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Long Biên,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh